

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-06-2021

*V/v: Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Nhanh và ông Nguyễn Đại Đồng.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 06 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 04/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987. *Có mặt.*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987. *Vắng mặt.*

Nơi làm việc: Đội H, công an quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: số 382, phố K, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 03/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi

kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không tôn trọng chị, vợ chồng không có lòng tin vào nhau. Chị đã tìm nhiều biện pháp để hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/3/2014 và cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/6/2020. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu không được thì chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh V và giao cháu Nguyễn Anh K cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công sức: chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị trình bày vợ chồng sẽ tự thỏa thuận.

Tại Biên bản làm việc ngày 12/01/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh xác nhận quan hệ hôn nhân như chị N trình bày là đúng. Từ năm 2015 đến nay cuộc sống chung giữa anh và chị N đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 6/2020 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đã tìm mọi cách để nói chuyện, khuyên giải nhưng chị N không đồng ý. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trường hợp chị N kiên quyết yêu cầu thì anh nhất trí ly hôn nếu chị N cho anh nuôi cả hai con chung.

- Về con chung: anh và chị N có 02 con chung là các cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/3/2014 và cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/6/2020. Nếu phải ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Vợ chồng có 01 xe oto Kia Morning mua năm 2017 giá 350 triệu đồng đứng tên chị N, nhưng anh là người vay Ngân hàng. Vợ chồng có 90 triệu đồng tiền mặt, 08 chỉ vàng, hóa đơn mua vàng đứng tên anh; tuy nhiên tiền và vàng thì chị N đã đục kết lấy hết. Các chứng cứ chứng minh anh không xuất trình được gì. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tài sản theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn xin hoãn phiên tòa ngày 12/5/2021, anh T trình bày quan điểm xin đoàn tụ; nếu phải ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N đối với anh Nguyễn Văn T.

- Giao con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/6/2020 cho chị N, giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/3/2014 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không có yêu cầu.

- Tài sản chung, công sức và nợ chung: chị N không có yêu cầu, anh T có yêu cầu nhưng chưa hoàn thiện các thủ tục nên đề nghị không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: chị N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Văn T có nơi công tác tại đội H - công an quận Đ, thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án nhân dân huyện M giải quyết vụ án, chị N đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ. Nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

thể hiện: quá trình chung sống giữa anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc, thực tế từ tháng 6/2020 đến nay vợ chồng đã không sống chung, chị N xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh T không về tham gia tố tụng, và anh cũng có quan điểm nếu chị N cho anh nuôi cả hai con chung thì anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: xét yêu cầu nuôi con chung của các đương sự thì thấy: vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/3/2014 và cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/6/2020.

Chị N xin nuôi cháu V và giao cháu K cho anh T, anh T xin nuôi cả hai con chung.

Do cháu Nguyễn Minh V chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nên yêu cầu của chị N là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó: giao con chung Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/6/2020 cho chị N, giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/3/2014 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

[3] Về tài sản, công sức và nợ chung: chị N không yêu cầu; anh T có yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nhưng chưa thực hiện các thủ tục theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản, công sức và nợ chung trong một vụ án khác.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/6/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng N; giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/3/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003129 ngày 12/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ (nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Hiệp